

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Nha

Ông Hoàng Văn Vận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1981, nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2019 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn anh Nông Văn Đ trình bày: Anh với chị Hoàng Thị T trước khi kết hôn được bạn bè, anh em trong thôn giới thiệu, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào tháng 02 năm 2009, sau đó chị T vẫn thường xuyên về nhà bố mẹ đẻ sống, đến tháng 8 năm 2009, anh phát hiện ra chị

Hoàng Thị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng anh đã tha thứ, cho chị Hoàng Thị T cơ hội và vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Ngày 24 tháng 3 năm 2010, anh và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do quan điểm, lối sống, tính cách khác biệt nhau trong sinh hoạt hàng ngày, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ và anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2015 đến nay vì chị T bỏ về nhà bố mẹ ở thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay anh Nông Văn Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị T. Anh chị chung sống với nhau có một con chung là cháu Nông Thị Oanh T, sinh ngày 11/8/2010, hiện đang ở với ông bà ngoại, khi ly hôn anh yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, không yêu cầu chị Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình chung sống anh và chị Hoàng Thị T không có tài sản chung, không có nợ ai.

Hiện nay anh đang làm ruộng, chăn nuôi tại gia đình thu nhập bình quân mỗi tháng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, anh có đủ điều kiện để nuôi con. Chị Hoàng Thị T hiện nay đang đi làm thuê ở đâu, làm công việc gì, thu nhập hàng tháng được bao nhiêu tiền anh không biết.

Đối với bị đơn chị Hoàng Thị T trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên do chị T thường xuyên vắng ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, gia đình không liên lạc được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại cả nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở cuối cùng của chị Hoàng Thị T tại thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, nhưng chị T không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cũng như không đến Tòa giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa Anh Nông Văn Đ đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với chị Hoàng Thị T từ khi thụ lý vụ án đến nay đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa thấy: Về quan hệ hôn nhân, xác định vợ chồng anh Nông Văn Đ và chị Hoàng Thị T có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu của anh Nông Văn Đ xin được ly hôn với chị Hoàng Thị T là có căn cứ. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nông Thị Oanh T, sinh ngày 11/8/2010. Khi ly hôn anh Nông Văn Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Chị Hoàng Thị T hiện đi làm ăn, thường vắng mặt ở địa phương, không rõ thời

điểm trở về, để đảm bảo điều kiện học tập, phát triển của cháu Thư được đầy đủ cần giao con chung cho anh Nông Văn Đ chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Nông Văn Đ không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Hoàng Thị T đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ, niêm yết công khai tại các văn bản yêu cầu đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng chị Hoàng Thị T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn Đ và chị Hoàng Thị T trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán từ tháng 02 năm 2009, đến ngày 24 tháng 3 năm 2010 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, như vậy, quan hệ hôn nhân của anh Nông Văn Đ và chị Hoàng Thị T là hợp pháp. Sau khi về chung sống một thời gian, hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã ly thân từ tháng 01 năm 2015 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Nông Văn Đ xác định tình cảm không còn nữa, chị Hoàng Thị T vắng mặt tại phiên tòa, thường đi làm xa không rõ thời điểm trở về. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân của anh Nông Văn Đ và chị Hoàng Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu xin ly hôn của anh Nông Văn Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Nông Văn Đ và chị Hoàng Thị T có một người con chung là cháu Nông Thị Oanh T, sinh ngày 11/8/2010, khi ly hôn anh yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành. Hiện nay anh đang làm ruộng, chăn nuôi thu nhập bình quân mỗi tháng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, anh có đủ điều kiện để nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của anh Nông Văn Đ chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 giao con chung cho anh Nông Văn Đ nuôi dưỡng, chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nông Văn Đ không yêu cầu. Chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Trong quá trình chung sống anh Nông Văn Đ và chị Hoàng Thị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nông Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Ngày 15 tháng 8 năm 2019, anh Nông Văn Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05651 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Anh Nông Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nông Văn Đ được ly hôn với chị Hoàng Thị T

2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Anh Nông Văn Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nông Thị Oanh T, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2010 đến khi cháu Nông Thị Oanh T đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Nông Văn Đ không yêu cầu. Chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Nông Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Ngày 15 tháng 8 năm 2019, anh Nông Văn Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05651 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Anh Nông Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã L, h.L, t Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Giáp Thanh Long